

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 11
NĂM HỌC 2025-2026

I. KIẾN THỨC CHUNG

1. Kiến thức về thể loại văn học

BÀI 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 2: CẤU TỬ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH (Xem lại đề cương ôn tập giữa học kì 1)

BÀI 3: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

Thể loại		Văn bản nghị luận
Các văn bản đã học		- <i>Cầu hiền chiếu</i> (Chiếu cầu hiền – Ngô Thì Nhậm) - <i>Tôi có một ước mơ</i> (Trích Bước đến tự do, Câu chuyện Mon-ga-mơ-ri (Montgomery), Mác-tin Lu-thơ Kinh –Martin Luther King) - <i>Một thời đại trong thi ca</i> (Trích Thi nhân Việt Nam – Hoài Thanh)
Đặc điểm thể loại	Cấu trúc của văn bản nghị luận	- Một văn bản nghị luận bao gồm nhiều thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng... được tổ chức thành một chỉnh thể, có quan hệ chặt chẽ với nhau, nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất. - Là thành tố có tính chất bao trùm: luận đề có chức năng định hướng việc triển khai các luận điểm. Các luận điểm trong văn bản nghị luận, với sự thống nhất của lí lẽ và bằng chứng, có nhiệm vụ làm rõ từng khía cạnh và thể hiện tính nhất quán của luận đề. Mỗi quan hệ có tính bản chất giữa các thành tố như vậy tạo nên cấu trúc đặc thù của văn bản nghị luận.
	Yếu tố bổ trợ trong văn bản nghị luận	Để tăng sức thuyết phục cho văn bản nghị luận, ngoài lí lẽ và bằng chứng, người viết còn có thể sử dụng một số yếu tố bổ trợ như: - Thuyết minh trong văn bản nghị luận có tác dụng giải thích, cung cấp những thông tin cơ bản xung quanh một vấn đề, khái niệm, đối tượng nào đó, làm cho việc luận bàn trở nên xác thực. - Miêu tả được dùng để tái hiện rõ nét, sinh động hơn những đối tượng có liên quan. - Tự sự đảm nhiệm việc kể câu chuyện làm bằng chứng cho luận điểm mà người viết nêu lên. - Biểu cảm giúp người viết bộc lộ cảm xúc, tình cảm làm cho văn bản có thêm sức lôi cuốn, thuyết phục.

BÀI 4: TỰ SỰ TRONG TRUYỆN THƠ DÂN GIAN VÀ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Thể loại	Truyện thơ dân gian, thơ trữ tình
Các văn bản đã học	- <i>Lời tiễn dặn</i> (Trích Tiễn dặn người yêu – truyện thơ dân tộc Thái) - <i>Dương phụ hành</i> (Bài hành về người thiếu phụ phương Tây – Cao Bá Quát)

		- <i>Thuyền và biển</i> (Xuân Quỳnh)
Đặc điểm thể loại	Truyện thơ	Truyện thơ thuộc loại hình tự sự, có cốt truyện, câu chuyện, nhân vật, lời kể,... nhưng lại được thể hiện dưới hình thức thơ. - Dung lượng và đề tài: + Dung lượng tương đối lớn, + Bao quát nhiều sự kiện, con người, chi tiết cụ thể, sinh động của đời sống thường nhật. - Điều kiện tồn tại và phát triển: Truyện thơ hiện diện trong nhiều nền văn học, có lịch sử lâu đời, phát triển thành một số dòng riêng theo sự chi phối của các điều kiện văn hóa, xã hội cụ thể.
	Truyện thơ dân gian	- Lực lượng sáng tác: Tầng lớp bình dân hoặc các trí thức sống gần gũi với tầng lớp bình dân sáng tác; - Lưu hành: chủ yếu bằng con đường truyền miệng nhưng cũng có khi thông qua các văn bản viết. - Nguồn gốc đề tài của truyện thơ dân gian: Truyện thơ dân gian khai thác đề tài từ nhiều nguồn khác nhau như truyện cổ, sự tích tôn giáo hay những câu chuyện đời thường. - Đặc điểm: + Kế thừa truyền thống của dân ca với sự kết hợp hài hòa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình + Nội dung: Thể hiện được một cách sinh động đời sống hiện thực và những tình cảm, ước mơ, khát vọng của nhiều lớp người trong xã hội, nhất là những người lao động nghèo. + Ngôn ngữ: giản dị, chất phác, giàu hình ảnh, gắn liền với cách tư duy hình ảnh rất đặc trưng của những người sống hòa đồng, gắn bó với đất đai, muông thú, cỏ cây,... - Điều kiện phát triển riêng biệt: Đặc biệt phát triển trong sinh hoạt văn hóa, văn học của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. - Một số truyện thơ dân gian tiêu biểu: + Dân tộc Tày Nùng có: Nam Kim – Thị Đan; Trần Châu; Quảng Tân – Ngọc Lương; Kim Quế; Chuyện chim sáo; Vượt biển;... + Dân tộc Thái có: Tiễn dặn người yêu; Chàng Lú – nàng Ủa; Khăm Panh;... + Dân tộc Mường có: Út Lót – Hồ Liêu; Nàng Nga – Hai Mối; Nàng Ồm – chàng Bồng Hương;... + Dân tộc Mông có: Tiếng hát làm dâu; Nhàng Dợ - Chà Tăng;... + Dân tộc Chăm có: Hoàng tử Um Rúp và cô gái chăn dê; Têva Murnô;... + Dân tộc Khơ-me có: Si Thạch; Tum Tiêu;...
	Yếu tố tự sự trong	- Đặc trưng cơ bản của thơ trữ tình: thể hiện cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

	thơ trữ tình	- Yếu tố tự sự trong thơ trữ tình: + Biểu hiện: có bóng dáng của một câu chuyện, một sự kiện với những đường nét cốt yếu của nó. + Tác dụng: làm nền cho tiếng nói trữ tình, chịu sự chi phối của mạch cảm xúc mà tác giả triển khai. + Mức độ xuất hiện của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình: các câu chuyện thường chỉ được “kể” ở mức độ vừa đủ để cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn.
--	--------------	---

BÀI 5: NHÂN VẬT VÀ XUNG ĐỘT TRONG BI KỊCH

Thể loại		Bi kịch
Các văn bản đã học		- <i>Sống, hay không sống – đó là vấn đề</i> (Trích Hăm-lét – Hamlet, Uy-li-am Sếch-xpia - William Shakespeare) - <i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i> (Trích Vũ Như Tô – Nguyễn Huy Tưởng)
Đặc điểm thể loại	Bi kịch	- Bi kịch là một thể loại thuộc về kịch. - Đặc điểm: + Bi kịch tập trung diễn tả những xung đột hệ trọng, đạt tới mức căng thẳng tột độ giữa những mong muốn, hành động cao đẹp, hào hùng của con người với những tình thế bi đát không thể đảo ngược của thực tại hay với những trở ngại tồn tại ngay trong bản tính con người. + Cốt truyện bi kịch: Được làm nên từ việc thắt nút, triển khai và giải quyết những xung đột; kết thúc bằng thảm cảnh hay bằng cái chết của một loạt nhân vật. + Trong bi kịch, việc cái đẹp, cái hùng bị thất bại đã đưa đến nỗi đau khổ cùng cực. Song chính từ đó, bi kịch trở thành tiếng nói khẳng định sự bất tử của ý chí, khát vọng và chiến thắng tinh thần của con người trong cuộc đấu tranh chống lại những tình thế bi đát của thực tại và những yếu hèn của cá nhân con người.
	Nhân vật và xung đột trong bi kịch	- Nhân vật chính trong bi kịch: + Thường phải trải qua những trạng thái giằng xé, bế tắc, rơi vào những tình huống hết sức nặng nề và có kết thúc bi thảm. + Lời thoại thường căng thẳng, chất chứa biện luận, thể hiện suy tư trăn trở và ý chí của những nhân cách mạnh mẽ, không khuất phục. - Xung đột trong bi kịch: là những mâu thuẫn gay gắt giữa lựa chọn hành động tự do của nhân vật với cái tất yếu vốn được thể hiện qua những thế lực cụ thể.
	Hiệu ứng thanh lọc của bi kịch	- Theo dõi bi kịch, người tiếp nhận thấy như đang trải nghiệm những bế tắc trong cuộc sống cùng nhân vật. - Sau đó, thấy căm ghét cái đê tiện, giả dối; ngưỡng mộ, cảm phục cái cao cả; tâm hồn như được thanh lọc, trở nên hài hòa, thăng bằng hơn.

2. Kiến thức tiếng Việt

Nội dung thực hành	Khái niệm hay quy tắc cần nắm vững	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết	- Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác. - Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách báo, văn bản hành chính, thư từ,...	Nhận biết, phân tích được đặc điểm và ý nghĩa của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong các văn bản văn học.
Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường	Nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của Tiếng Việt, đồng thời biết thực hiện việc đổi chiều, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau.	- Tạo ra những kết hợp trái logic nhằm “lạ hóa” văn bản. - Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh đặc điểm đối tượng. - Cung cấp nét nghĩa mới nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ. - Bổ sung chức năng mới cho câu.
Lỗi thành phần câu và cách sửa	Câu thiếu chủ ngữ, vị ngữ, câu thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ, sắp xếp sai vị trí thành phần câu, thiếu vế câu.	Nhận biết được lỗi về thành phần câu và đưa ra được cách sửa.

3. Kiến thức viết

Kiểu bài	Yêu cầu của kiểu bài	Dàn ý
1. Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)	- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích) - Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...) - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lý lẽ và bằng chứng thuyết	- Mở bài: + Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. + Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ tập trung làm rõ. - Thân bài: Căn cứ vào việc xác định các yếu tố làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện mà bạn chọn phân tích, triển khai bài viết thành các luận điểm tương ứng. Khi phân tích các yếu tố này, có thể đi theo các trình tự: + Bước 1: miêu tả yếu tố đó, + Bước 2: chỉ ra chức năng, vai trò của nó; + Bước 3: đánh giá hiệu quả của nó,... - Kết bài: Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.

	phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ. - Khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.	
2. Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm)	- Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, vị trí của bài thơ; lý do lựa chọn bài thơ;...). - Xác định rõ trọng tâm vấn đề được bàn luận trong bài viết (cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến hệ thống hình ảnh). - Xem xét vấn đề một cách toàn diện theo từng khía cạnh cụ thể với những lí lẽ, bằng chứng xác đáng. - Đánh giá được nét đặc sắc về cấu tứ và hình ảnh của bài thơ cũng như giá trị của chúng trong việc thể hiện những khám phá mới về con người và cuộc sống	- <i>Mở bài:</i> Giới thiệu chung về bài thơ và xác định vấn đề sẽ được tập trung bàn luận trong bài viết. - <i>Thân bài:</i> Cần triển khai các ý: + Cảm giác chung mà cấu tứ cùng những hình ảnh và cách diễn tả khác lạ trong bài thơ gợi cho người đọc. + Sự khác biệt của bài thơ này so với các bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ (thực hiện những so sánh cần thiết để chỉ ra được sự khác biệt). + Những khả năng hiểu (cắt nghĩa) khác nhau đối với một số yếu tố, hình ảnh trong bài thơ (cần nêu cụ thể). + Điều được làm sáng tỏ qua việc đọc thăm dò và thử nghiệm các cách đọc khác nhau với bài thơ. + Sự gợi mở về cách nhìn mới đối với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ. - <i>Kết bài:</i> Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho độc giả.
3. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh)	- Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh. - Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, hợp lí; - Sử dụng được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính	- Mở bài: Giới thiệu vấn đề trong cuộc sống cần bàn luận. Có thể nêu vấn đề thông qua một câu chuyện, một tình huống đời sống, một câu hỏi nhận thức,... - Thân bài: Cần triển khai các ý: + Trình bày bản chất của vấn đề đời sống được bàn luận và nêu quan điểm của người viết (lí lẽ và bằng chứng). + Xem xét vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau và bàn về những khía cạnh của vấn đề viết (lí lẽ và bằng chứng).

	xác, thích hợp, đầy đủ, sinh động. - Đưa ra được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận và có lí lẽ phản bác nhằm tăng sức thuyết phục cho bài viết; - Rút ra được ý nghĩa của vấn đề đối với bản thân.	+ Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều (lí lẽ và bằng chứng). + Phân tích tác động của việc nhận thức đúng đắn về vấn đề đối với cá nhân hoặc cộng đồng (lí lẽ và bằng chứng). - Kết bài: Rút ra ý nghĩa của việc bàn luận vấn đề (gợi mở suy nghĩ, định hướng hành động,...)
4. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại)	- Nêu được vấn đề thực sự có ý nghĩa, hướng đến việc hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại. - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, phù hợp với logic của vấn đề để bàn luận; sử dụng các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng chính xác, thích hợp, đầy đủ. - Nêu được ý kiến về vấn đề bàn luận từ một góc nhìn khác. - Rút ra được ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.	- Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận, hướng bàn luận và ý nghĩa chung của việc bàn luận về vấn đề (Có thể giới thiệu vấn đề theo cách trực tiếp hoặc theo cách gián tiếp nhưng không được dài dòng và cần giúp người đọc nắm rõ ngay từ đầu bài viết sẽ bàn luận về vấn đề gì). - Thân bài: + Miêu tả khái quát hoàn cảnh đời sống làm nảy sinh vấn đề. + Phân tích lần lượt từng khía cạnh vấn đề theo trình tự từ hẹp đến rộng hoặc từ rộng đến hẹp với những lí lẽ và bằng chứng phù hợp. + Làm rõ sự cần thiết phải nhận thức đầy đủ về vấn đề. + Nêu trải nghiệm của bản thân với vấn đề được bàn luận. + Bàn luận vấn đề từ góc nhìn trái chiều. - Kết bài: Tóm tắt những luận điểm chính đã trình bày và khẳng định ý nghĩa của vấn đề trên cơ sở thu thập nhiều tư liệu và bằng chứng mới.

II. MỘT SỐ ĐỀ LUYỆN TẬP

ĐỀ 1

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MÙA HẠ

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mặt trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

(2) Đó là mùa không thể giấu che
Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng
Biển xanh thẳm, cánh bướm lòng lộng trắng
Từ những miền cay đắng hóa thành thơ.

(3) Đó là mùa của những ước mơ
Những dự vọng muôn đời không kể xiết
Gió bão hòa, mưa thành sông thành bể
Một thoáng nhìn có thể hóa tình yêu

(4) Đó là mùa của những buổi chiều
Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao
vút
Tiếng dế thức suốt đêm dài oi bức
Tiếng cuốc dồn thúc giục nắng đang
trưa

(5) Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa
Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết
Mà mặt đất màu xanh là vẫn biển
Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa.
(Xuân Quỳnh, *Thơ Xuân Quỳnh*,
NXB Văn học, 2016, tr. 34)

Thực hiện yêu cầu từ câu số 1 đến câu số 5:

Câu 1: Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2: Liệt kê những âm thanh của loài vật được nói đến trong bài thơ.

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ (1):

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mặt trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

Câu 4: Điệp khúc *Đó là mùa...* ở đầu các khổ thơ (1), (2), (3), (4) có ý nghĩa gì?

Câu 5: Qua bài thơ *Mùa hạ* của Xuân Quỳnh, anh/chị hãy nêu một thông điệp có ý nghĩa nhất và giải thích lý do vì sao chọn thông điệp đó.

II. VIẾT (5,0 điểm)

Có thể chấp nhận thất bại nhưng nhất định không được chấp nhận buông xuôi.

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về cách ứng xử đúng đắn khi đối diện với thất bại của những người trẻ tuổi.

ĐỀ 2

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Tuổi thơ tôi bắt ngát cánh đồng
cỏ và lúa, và hoa hoang quả dại
vỏ ốc trắng những luống cày phơi ải
bờ ruộng bùn lấm tấm dấu chân cua

Tuổi thơ tôi trắng muốt cánh cò
con sáo mỏ vàng, con chào mào đỏ đít

*con chim trả bắn mũi tên xanh biếc
con chích choè đánh thức buổi ban mai*

*Tuổi thơ tôi cứ ngỡ mất đi rồi
năm tháng trôi qua không bao giờ chảy lại
cái năm tháng mong manh mà vững chãi
con dấu đất đai tươi rói mãi đây này*

*Người ở rừng mang vết suối vết cây
người mạn bể có chút sóng chút gió
người thành thị mang nét đường nét phố
như tôi mang dấu ruộng dấu vườn*

*Con dấu chìm chạm tro ở trong xương
thời thơ ấu không thể nào đánh đổi
trọn kiếp người ta chấp chờn nguồn cội
có một miền quê trong đi đứng nói cười.*

*Tuổi thơ nào cũng sẽ hiện ra thôi
dầu chúng ta cứ việc già nua tất
xin thương mến đến tận cùng chân thật
những miền quê gương mặt bạn bè*

(**Tuổi thơ** – Nguyễn Duy, *Ánh trăng*, Nxb Tác phẩm mới, 1984)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2 (0.5 điểm): Chỉ ra hai từ láy sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Tuổi thơ tôi bắt ngát cánh đồng
cỏ và lúa, và hoa hoang quả dại
vỏ ốc trắng những luống cày phơi ải
bờ ruộng bùn lấm tẩm dấu chân cua*

Câu 3 (1.0 điểm): Em hiểu ý nghĩa câu thơ sau như thế nào?

*Tuổi thơ nào cũng sẽ hiện ra thôi
dầu chúng ta cứ việc già nua tất*

Câu 4 (1.0 điểm): Phân tích hiệu quả của 1 biện pháp tu từ thể hiện trong đoạn thơ sau:

*Người ở rừng mang vết suối vết cây
người mạn bể có chút sóng chút gió
người thành thị mang nét đường nét phố
như tôi mang dấu ruộng dấu vườn*

Câu 5 (1.0 điểm): Nhận xét về tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong hai câu thơ sau:

*xin thương mến đến tận cùng chân thật
những miền quê gương mặt bạn bè*

II. PHẦN VIẾT (5.0 điểm)

Phân tích nét đặc sắc trong cấu tứ và hình ảnh của bài thơ “Tuổi thơ” (Nguyễn Duy).

ĐỀ 3

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NGƯỜI MẸ XÓM NHÀ THỜ

(Trích)

Nguyễn Minh Châu

[Lược trích: Nhân vật “tôi” và một người bạn đường trong chuyến đi công tác được chính quyền bố trí nghỉ tạm tại xóm nhà thờ. Cậu bé Nét dẫn nhân vật “tôi” về nhà của mình và bà nội. Đó là mẹ Lâm - người đàn bà có đạo, cần cù, rất yêu quý cán bộ. “Tôi” đã được mẹ Lâm kể lại chuyện nhà của mình từ ngày quân Pháp kéo quân về cần quét. Vợ chồng anh Lâm - con trai của bà di cư và đã thất lạc nhau, chỉ còn mẹ Lâm cùng với bé Nét quay trở về làng sinh sống. Sau một dạo công tác ở một tỉnh vùng trong, “tôi” trở lại xóm nhà thờ. Giặc Mỹ bắt đầu ném bom bắn phá các tỉnh phía trong, nhà mẹ Lâm đã bị cháy sạch.]

Tôi tìm thấy ở cuối vườn một cái túp trông vỏ bèo mới dựng, chiếc cần vó đang từ từ cất lên khỏi mặt nước. Tôi nhìn sang bên kia sông. Một trận địa pháo mới đắp nằm giữa lưng chừng sườn núi. Tiếng bác Tuất – người cán bộ xóm – từ trong núi hỏi vọng xuống:

- Có được nhiều chếp không hả mẹ?
- Ồi ra. Hôm nay được anh ạ!

Tôi mừng quýnh vì nhận ra đúng tiếng mẹ Lâm trả lời. Tôi khom lưng chui vào trong túp. Mẹ trông thấy người bước vào, đưa ngọn đèn dầu đã vẩn nhỏ soi ngang mặt. Tôi chào mẹ. Mẹ vẫn bé nhỏ, trầm tĩnh và hiền hậu. Không đợi tôi hỏi thăm, mẹ Lâm khi nhận ra tôi liền kêu:

- Anh đã trở ra đấy ư? Cha thằng Mỹ, nó đốt mất nhà, anh ngủ ở đâu được bây giờ?

Tôi đặt ba lô xuống chiếc chõng đã gãy mất một góc, kê bằng mấy viên gạch và nhìn quanh, hỏi:

- Em Nét chạy đâu rồi mẹ?

Tôi vừa sực nhớ đến món quà tôi cố lòng cho Nét, một mảnh thép lấy ở xác máy bay Mỹ để rèn một con dao trở rất tốt. Ngọn đèn trên tay mẹ bỗng rung rung, ánh lửa trắng bệch ra trên cặp môi mấp máy. Một nỗi đau ghê gớm cố nén chặt đang hiện trên khuôn mặt mẹ rồi từ từ, hai giọt nước mắt ứa ra, nặng trĩu, lăn xuống đôi gò má răn reo.

Giặc Mỹ đã giết mất em Nét, chú học sinh gác phòng không của tôi rồi!

Lát lâu sau khi báo cái tin ấy cho tôi biết bằng một tiếng kêu xé ruột, mẹ Lâm ngồi tựa chiếc cần vó, không động đậy. Chỉ có đôi mắt già nua phản chiếu ánh lửa nhìn qua vai tôi, vào cái khoảng tối mênh mông, phía ngôi nhà cũ. Tôi cắn chặt môi. Bất cứ chỗ nào quanh đây, tôi cũng tìm thấy hình dáng em, chú học sinh thông minh và đáng yêu, chiếc mũ cối rộng vành, dải khăn quàng đỏ bay phất phơ trước ngực và những mảnh gỗ dẽ căng phòng hai túi quần.

Tôi ngồi lặng đi, lòng căm thù giặc mỗi lúc lại nhen thêm, cho đến khi tôi sinh ra ngạc nhiên về thái độ quá bình thản của mẹ. Em Nét mất, kẻ thù đã dứt đi một phần da thịt, vậy mà mẹ vẫn đủ bình tâm làm việc, còn lo tôi không có chỗ ngủ.

Mẹ trao chiếc đèn vào tay tôi, đứng thẳng người ghé vai tỳ lên chiếc cần vó làm bằng hai cây luồng rất dài. Chiếc cần vó nặng trĩu thốt lên tiếng kêu ken két. Cử chỉ của mẹ vẫn chính xác và mạnh mẽ. Từ từ cho mặt nước khởi động, mẹ nhắc bổng những chiếc gọng vó lên [...]

Hôm ấy, vào quãng gần chiều một cơn giông từ bên kia dốc đổ sang, từng đợt gió xoáy bị nghẹt trong hẻm núi lửa ra rất mạnh. Nhiều tốp máy bay địch bất ngờ lao vút tới. Trận đánh xảy ra rất nhanh. Giữa khung cảnh mù mịt khói đạn cùng cơn giông bão đang nổi lên âm âm, người ta thấy một người đàn bà, tay cầm chiếc đòn gánh, đang lao qua những đám cháy ngoài bờ sông chạy lên trận địa. Bên kia sông, từ xóm nhà thờ vẳng lên tiếng thét, tiếng la khóc, và lửa đỏ cháy

bừng bùng; một cụm khói đen như cái nấm đã trùm kín cái xóm nhỏ.

Người đàn bà quần áo cháy sém, tả tơi chạy thẳng tới bên một ụ súng, đôi mắt đỏ ngầu ngược lên nhìn những chiếc máy bay như một đàn thú vờn lượn trên đầu. Một tiếng thét bật lên:

- Các con hãy bắn đi, giết đi! Giết hết chúng nó đi!

Chiến sĩ cầm chặt môi đập cò. Mọi người đều nghe rõ. Đó là tiếng thét của mẹ Lân! Cả một vùng trời giông bão rạch ngang dọc những tia chớp. Người mẹ đau khổ đứng sừng sững trên mặt đất, bàn tay cầm chiếc đòn gánh chĩa thẳng lên trời: “Giết đi! Giết hết chúng nó!”. Trông mẹ chả khác nào một khối căm giận đang bốc thành ngọn lửa. Quả thật, lần đầu tiên tôi được trông thấy một người mẹ trong tư thế dữ dội như vậy [...].

(Theo Nguyễn Minh Châu tuyển tập truyện ngắn, NXB Văn học, 2006, tr.74-77)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Chỉ ra những chi tiết miêu tả tâm trạng của mẹ Lân khi nghe nhân vật “tôi” hỏi thăm về bé Nét.

Câu 3. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ liệt kê trong câu văn sau:

Bên kia sông, từ xóm nhà thờ văng lên tiếng thét, tiếng la khóc, và lửa đỏ cháy bùng bùng; một cụm khói đen như cái nấm đã trùm kín cái xóm nhỏ.

Câu 4. Câu “Em Nét mát, kẻ thù đã dứt đi một phần da thịt, vậy mà mẹ vẫn đủ bình tâm làm việc, còn lo tôi không có chỗ ngủ.” giúp bạn hiểu được điều gì về nhân vật mẹ Lân?

Câu 5. Nhận xét tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật mẹ Lân thể hiện qua đoạn văn:

Cả một vùng trời giông bão rạch ngang dọc những tia chớp. Người mẹ đau khổ đứng sừng sững trên mặt đất, bàn tay cầm chiếc đòn gánh chĩa thẳng lên trời: “Giết đi! Giết hết chúng nó!”. Trông mẹ chả khác nào một khối căm giận đang bốc thành ngọn lửa. Quả thật, lần đầu tiên tôi được trông thấy một người mẹ trong tư thế dữ dội như vậy.

Câu 6. Từ hành động của nhân vật mẹ Lân trước những mất mát, bạn hãy bày tỏ quan điểm của bản thân về cách ứng xử nên có với nỗi đau buồn trong cuộc sống. (Trả lời khoảng 5 - 7 dòng)

II. VIẾT (5,0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về việc sử dụng thời gian có hiệu quả.

ĐỀ 4

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Cặp mắt anh lại đang nhìn xói vào cái mặt tôi đang được bàn tay anh dần ngửa ra. Da mặt tôi cứ dày lên. Tôi nhắm mắt, rồi mở mắt. Mỗi lúc mở mắt, tôi không thể nhìn đi đâu khác cặp mắt anh. Trời ơi, có lẽ tôi ngồi trên ghế cắt tóc ở cái quán này đã một nửa thế kỷ? Chốc nữa, sắp tới, anh sẽ làm gì tôi đây?

- Đồ dối trá, mày hãy nhìn coi, bà mẹ tao khóc đã lòa cả hai mắt kia! Bây giờ thì tấm hình tao đã được trưng trên các tạp chí hội họa của khắp các nước. Người ta đã trân trọng ghi tên mày bên dưới, bên cạnh mấy chữ: "Chân dung chiến sĩ giải phóng". Thật là danh tiếng quá!

- Tôi là một nghệ sĩ chứ có phải đâu là một anh thợ vẽ truyền thần, công việc nghệ sĩ là phục vụ cả một số đông người, chứ không phải chỉ phục vụ một người! Anh chỉ là một cá nhân, với một cái chuyện riêng của anh, anh hãy chịu để cho tôi quên đi, để phục vụ cho cái đích lớn lao hơn.

Anh đã thấy đấy, bức "chân dung chiến sĩ giải phóng" đã đóng góp đôi chút vào công việc làm cho thế giới hiểu cuộc kháng chiến của chúng ta thêm!

"A ha! Vì mục đích phục vụ số đông của người nghệ sĩ cho nên anh quên tôi đi hả... Có quyền lừa dối hả? Thôi, anh bước khỏi mắt tôi đi. Anh cút đi!"

Một bận, đến hai ngày liền tôi không thấy anh thợ của tôi làm việc. Cái quán cắt tóc bỏ vắng hai ngày liền. Sáng ngày thứ ba vẫn thế. Và lại thấy một người đàn bà ra dọn dẹp, chứ không phải bà cụ già lòa như mọi ngày. Tôi chạy sang. Chiếc ghế cắt tóc không còn nữa. Chỉ còn chiếc gương và mấy cái chai lọ. Người đàn bà hỏi tôi:

- Bác đến cắt tóc?

- Vâng.

- Nhà em mấy hôm nay đang dọn cái chỗ làm mới ở phố ngoài kia. Ngày mai xong. Xin mời bác đến.

Vợ anh có vẻ trẻ tuổi gần ba mươi. Một khuôn mặt đàn bà hiền lành. Chị vừa nói vừa bóc tấm tranh của tôi ra. Tôi gọi chuyển.

- Bức tranh đẹp đấy chứ, chị nhỉ?

Người đàn bà hơi đỏ mặt, cuốn tấm tranh lại một cách cẩn thận. Lâu sau mới đáp:

- Anh nhà tôi bảo: Anh bộ đội trong tờ tranh này chính là người ta vẽ anh ấy. Hỏi anh ấy còn ở bộ đội trong B. Cho nên mới mua về treo.

- Anh ấy nói với chị thế?

- Vâng.

- Hôm trước tôi đến cắt tóc ở đây có thấy một bà cụ...

- Là mẹ anh nhà tôi. Thế ra bác là khách quen?

- Vâng. Bà cụ bị tật lâu chưa?

- Thừa đã lâu. Đã chín năm nay.

- Vì sao?

- Bà cụ lòa đi cũng vì anh nhà tôi. Ngày đó bỗng nhiên có tin ra nhà tôi hy sinh. Bà cụ đâm óm. Anh ấy là con một. Bà cụ nhớ anh ấy, nửa đêm cũng trở dậy đi lang thang. Cứ khóc hoài...

- Bà cụ lòa từ năm nào, chị biết không?

- Từ 69.

- Từ tháng mấy?

- Tôi cũng không nhớ thật rõ, có lẽ khoảng giữa năm.

Tôi ra đến Hà Nội vào đầu tháng ba năm ấy. Nếu tôi là một người tử tế ra thì không khéo bà cụ không bị lòa, không những thế mà tôi còn có thể làm cho bà cụ khỏe ra! Chính tôi đã làm cho bà mẹ anh trở thành mù lòa?

[...] Tôi quyết định phải trở lại cái quán kia. Tôi quyết định phải chườm cái mặt mình ra, chứ không được lẩn tránh. Tôi không cho phép tôi chạy trốn. Bà cụ lại ngược mắt lên nhìn tôi như lần trước khuôn mặt đờ đẫn và hoan hỉ:

- Thưa ông đến cắt tóc?

- Vâng ạ!

Anh thợ cắt tóc nghe mẹ lên tiếng mới quay người lại. Tôi vừa kịp nhận ra được từ nơi cặp mắt vẫn còn trẻ của anh chiếu thẳng về phía tôi một cái nhìn ban đầu soi mói, ngạc nhiên, rồi hơi nghiêm mặt lại. Nhưng những diễn biến phản ứng trên cái mặt người thợ chỉ diễn ra nhanh như một cái chớp mắt. Ngay sau đó anh lại trở lại cái vẻ mặt và cử chỉ từ tốn, điềm đạm, ân cần của một người thợ cắt tóc đứng đắn và yêu nghề.

Da mặt tôi tự nhiên dày cộm lên.

- Mời bác ngồi!

Tôi cố trấn tĩnh để khỏi run lập cập, bước tới ngồi vào cái ghế gỗ như một cái ghế tra điện.

- Bác vẫn cắt như cũ?

- Vâng.

...

"Lần này anh lại đối xử với tôi như lần trước đây?"

"Phải".

"Anh cũng không trách mắng, chỉ trấn chỉ mặt tôi?"

"Không! Anh cứ yên tâm. Trước sau tôi vẫn coi anh là một nghệ sĩ tài năng đã có nhiều cống hiến cho xã hội".

"Bây giờ anh nói với tôi một điều gì đi, khuyên tôi một nhời đi!"

"Không".

"Tôi có phải cắt khỏi đây không?"

"Không. Anh cứ đến đây. Tôi cắt cho anh kỹ lắm, anh biết đấy!"

Gần nửa năm, tôi đã để vào bức tranh sơn mài tất cả công sức và sự suy nghĩ, và trong suốt thời gian ấy, một đôi lần tôi cũng gọi lại chuyện cũ nhưng người thợ vẫn một mực cố tỏ ra chưa hề bao giờ quen biết tôi. Trở về làm một anh thợ cắt tóc cũng như lúc ở bộ đội, anh vẫn lẳng lặng sống như vậy để cho người chung quanh tự phán xét lấy những công việc đã làm. Lời đề nghị rụt rè của anh: Xin mọi người hãy tạm ngừng một phút cái nhịp sống bận bịu, chen lấn, để tự suy nghĩ về chính mình.

Bây giờ thì cái tác phẩm mới của tôi đã hoàn thành. Tôi đang đối mặt với chính mình, để viết những dòng này, như những lời chú giải cho một tác phẩm hội họa thể hiện một cái mặt người rất lớn: những luồng ánh sáng hàng nghìn nến từ phía trước và trên đầu chiếu thẳng xuống một nửa mái đầu tóc tốt rợp như một khu rừng đen bí ẩn, và một nửa mái tóc đã cắt, thoạt trông như một phần bộ óc màu xám vừa bị mổ phanh ra. Phần bên dưới khuôn mặt như vẫn đang được giấu kín dưới một cái mặt nạ: dưới cằm và hai bên mép phủ kín bọt xà phòng. Không trông rõ miệng, chỉ thấy một vệt màu đen lơ lơ nổi bồng bênh trên những đám bọt xà phòng. Và nổi bật trên cái khuôn mặt là đôi mắt mở to, khắc khoải, bồn chồn, đầy nghiêm khắc, đang nhìn vào nội tâm.

(Trích truyện ngắn *Bức tranh*, Nguyễn Minh Châu, tập *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, 1983)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2. Người kể chuyện chủ yếu trần thuật theo điểm nhìn của ai, điểm nhìn bên ngoài hay bên trong chiếm ưu thế?

Câu 3. Em hiểu như thế nào về lời đề nghị rụt rè của anh thợ cắt tóc trong quá khứ được gọi lại từ dòng hồi tưởng của nhân vật "tôi": Xin mọi người hãy tạm ngừng một phút cái nhịp sống bận bịu, chen lấn, để tự suy nghĩ về chính mình.

Câu 4. Phân tích đặc điểm của người kể chuyện trong truyện (ngôi kể, quan hệ và thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật trong truyện, lời kể chuyện và lời nhân vật trong truyện có gì đặc biệt?)

Câu 5. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày suy nghĩ của em về hệ thống điểm nhìn trong văn bản và cho biết điểm nhìn đó có tác dụng hé lộ điều gì trong tâm lí nhân vật.

II. VIẾT (5.0 điểm)

Viết bài văn phân tích đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện (lời kể chuyện, điểm nhìn, ngôi kể) và nội dung (chủ đề, tư tưởng) trong trích đoạn truyện ngắn *Bức tranh* của Nguyễn Minh Châu

ĐỀ 5**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)**

Nhà tâm lý học Angela Lee Duckworth đã bỏ ra nhiều năm tìm hiểu về chìa khoá để thành công. Sau thời gian nghiên cứu, bà chỉ ra rằng: Điều cơ bản làm nên thành công của con người là sự bền bỉ. Bà nói: “Bền bỉ là sự đam mê, tính kiên trì cho những mục tiêu dài hạn. Bền bỉ là có khả năng chịu đựng khó khăn. Bền bỉ là tập trung vào tương lai của mình một cách liên tục, không phải tính theo tuần, theo tháng mà là năm. Bền bỉ là làm việc thật chăm chỉ để biến tương lai thành hiện thực. Bền bỉ là việc sống một cuộc đời như thể nó là một cuộc chạy marathon, chứ không phải là một cuộc đua nước rút”. Không phải chỉ số IQ, không phải ngoại hình, hay sức mạnh thể chất, hay kỹ năng xã hội. Sự bền bỉ là yếu tố quyết định để thành công.

Sân vườn nhà tôi có bày những cái ghế đá, trên một trong những cái ghế ấy có khắc dòng chữ: “Cây kiên nhẫn đắng chát nhưng quả nó rất ngọt.” Nếu không có những giờ ngồi kiên trì từ ngày này qua ngày khác trong phòng suốt nhiều năm liền của những con người bền bỉ cống hiến như thế, chúng ta đã không có Hesman, One Piece, Sherlock Holmes, Tarzan, Doraemon. Không có sự bền bỉ, sẽ không có bất cứ thứ gì vĩ đại được sinh ra trên đời. Bóng đèn điện, định luật bảo toàn năng lượng, thuyết tương đối, máy bay và nhiều phát minh khác. Nếu không có những giờ kiên tâm hy sinh thầm lặng hay nhẫn nại làm việc của con người, nhân loại sẽ tồn thất biết bao.

Hôm trước một anh bạn gửi cho tôi câu danh ngôn: “Những người đứng đầu trên thế giới đều là những người bình thường với ý chí phi thường”. Nên ta làm gì không quan trọng. Quan trọng là ta có làm cho đến khi ra được kết quả mong muốn hay không. Người ta thường nhấn mạnh tới việc sống phải có ước mơ, hoài bão nhưng theo tôi cái khó là kiên trì từng ngày vươn tới nó.

(Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu, Rosie Nguyễn, NXB Nhã Nam, 2017)

Thực hiện yêu cầu từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn)

Câu 1. Xác định luận đề của văn bản trên.

Câu 2. Để làm rõ luận đề, tác giả đã đưa ra những luận điểm nào?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được dùng trong đoạn văn sau: “Bền bỉ là sự đam mê, tính kiên trì cho những mục tiêu dài hạn. Bền bỉ là có khả năng chịu đựng khó khăn. Bền bỉ là tập trung vào tương lai của mình một cách liên tục, không phải tính theo tuần, theo tháng mà là năm. Bền bỉ là làm việc thật chăm chỉ để biến tương lai thành hiện thực. Bền bỉ là việc sống một cuộc đời như thể nó là một cuộc chạy marathon, chứ không phải là một cuộc đua nước rút”.

Câu 4. Phân tích mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong văn bản trên.

Câu 5. Anh chị có đồng tình với quan điểm “Điều cơ bản làm nên thành công của con người là sự bền bỉ” của tác giả bài viết hay không? Lý giải?

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận về sự cần thiết của tinh thần bền bỉ trong cuộc sống.

